

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 04 năm 2013

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SX-KD NĂM 2012
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SX-KD NĂM 2013**

PHẦN I

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SX - KD NĂM 2012

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH :

Kính thưa đại hội!

Năm 2012, là năm có rất nhiều khó khăn và thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam nói riêng, đặc biệt là các doanh nghiệp khu vực miền Trung Tây nguyên với qui mô nhỏ, đã phải chèo chống vất vả, thậm chí phải đối mặt với nguy cơ phá sản. Mặc dù, đã được các ngành, các cấp tạo điều kiện, nhất là việc thực hiện các nhóm giải pháp về tháo gỡ khó khăn cho SX,KD. Song doanh nghiệp vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như: giá cả nguyên nhiên vật liệu, chi phí đầu vào tăng, lãi vay ngân hàng tuy đã giảm nhưng vẫn còn ở mức cao, sức mua giảm, tính cạnh tranh ngày càng khốc liệt làm cho thị trường thu hẹp, hàng tồn kho, vốn ứ đọng tăng v.v...

Trước thực tế trên, được sự quan tâm chỉ đạo sâu sắc, kịp thời của Chủ tịch HĐQT, Ban điều hành Tổng công ty chủ động đề ra các giải pháp tích cực khắc phục khó khăn, khai thác tối đa mọi lợi thế và nguồn lực, nâng cao sự thỏa mãn của khách hàng, thực hiện các chính sách tiết kiệm v.v... và đã đạt được những kết quả, sau đây:

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU :

Theo Báo cáo kiểm toán số: 305/BCKT-AAC ngày 23/03/2013 của Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC về Báo cáo tài chính năm 2012 của Tổng công ty cổ phần Y tế Danameco như sau:

1.1 .BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Số đầu năm 2012	Số cuối năm 2012
TÀI SẢN	-	-
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	95.115.873.424	105.854.762.265
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	13.544.452.320	15.499.130.834
1. Tiền	9.544.452.320	13.249.130.834
2. Các khoản tương đương tiền	4.000.000.000	2.250.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	48.467.066.517	57.346.481.572
1. Phải thu khách hàng	39.168.173.708	51.092.649.125
2. Trả trước cho người bán	5.140.641.553	5.899.209.342
3. Các khoản phải thu khác	4.325.398.763	386.258.851

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-167.147.507	-31.635.746
IV. Hàng tồn kho	28.516.037.254	30.369.868.198
1. Hàng tồn kho	28.516.037.254	30.369.868.198
V. Tài sản ngắn hạn khác	4.588.317.333	2.339.281.661
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	731.972.911	509.892.927
2. Thuế GTGT được khấu trừ	1.258.688.680	1.391.118.917
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	25.681.575	29.713.172
4. Tài sản ngắn hạn khác	2.571.974.167	408.556.645
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	44.904.415.669	42.843.484.187
I. Các khoản phải thu dài hạn	0	0
II. Tài sản cố định	43.921.842.281	42.266.518.662
1. Tài sản cố định hữu hình	26.649.568.292	24.974.244.673
- Nguyên giá	45.383.089.485	47.769.063.591
- Giá trị hao mòn lũy kế	-18.733.521.193	-22.794.818.918
2. Tài sản cố định vô hình	17.077.663.821	17.097.663.821
- Nguyên giá	17.077.663.821	17.159.663.821
- Giá trị hao mòn lũy kế	0	-62.000.000
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	194.610.168	194.610.168
III. Bất động sản đầu tư	0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	0
V. Tài sản dài hạn khác	982.573.388	576.965.525
1. Chi phí trả trước dài hạn	982.573.388	576.965.525
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	140.020.289.093	148.698.246.452
NGUỒN VỐN		
A. NỢ PHẢI TRẢ	95.910.023.252	97.138.415.590
I. Nợ ngắn hạn	84.628.145.781	90.146.415.590
1. Vay và nợ ngắn hạn	63.594.706.708	61.684.488.554
2. Phải trả người bán	15.533.112.524	12.737.989.870
3. Người mua trả tiền trước	1.887.387.755	721.458.517
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.449.063.977	4.804.022.240
5. Phải trả người lao động	1.532.759.647	2.747.740.085
6. Chi phí phải trả	0	64.867.592
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	676.358.274	7.081.354.996
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	-45.243.104	304.493.736
II. Nợ dài hạn	11.281.877.471	6.992.000.000
1. Vay và nợ dài hạn	11.157.236.498	5.092.000.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	124.640.973	0
3. Doanh thu chưa thực hiện	0	0
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		1.900.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	44.110.265.841	51.559.830.862
I. Vốn chủ sở hữu	42.540.717.470	49.769.198.194
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	24.115.100.000	30.143.620.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	9.824.193.825	5.001.173.825
3. Vốn khác của chủ sở hữu		
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-4.097.104	0
5. Quỹ đầu tư phát triển	4.453.218.375	4.755.092.471

6. Quỹ dự phòng tài chính	970.416.146	1.026.318.756
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	211.350.126	0
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.970.536.102	8.842.993.142
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	1.569.548.371	1.790.632.668
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	140.020.289.093	148.698.246.452

1.2: KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm trước 2011	Năm nay 2012	2012/ 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	216.378.461.803	220.970.418.118	102%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	695.629.968	1.394.179.063	200%
3. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch	215.682.831.835	219.576.239.055	102%
4. Giá vốn hàng bán	165.329.518.585	148.222.184.165	90%
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.353.313.250	71.354.054.890	142%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1.030.379.564	910.070.520	88%
7. Chi phí tài chính	12.366.164.439	10.643.498.129	86%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	10.491.528.427	10.585.302.052	101%
8. Chi phí bán hàng	16.566.006.277	15.963.129.080	96%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.088.294.030	28.853.336.436	151%
10. LN thuần từ hoạt động kinh doanh	3.363.228.068	16.804.161.765	500%
11. Thu nhập khác	679.708.722	437.432.233	64%
12. Chi phí khác	66.054.327	95.926.137	145%
13. Lợi nhuận khác	613.654.395	341.506.096	56%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.976.882.463	17.145.667.861	431%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.006.346.361	4.288.567.717	426%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	
17. LN sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.970.536.102	12.857.100.144	433%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	1.232	4.265	346%

1.3 : CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2011	NĂM 2012
1	Cơ cấu tài sản			

	- Tài sản dài hạn/ tổng tài sản	%	32,07	28,81
	- Tài sản ngắn hạn/ tổng tài sản	%	67,93	71,19
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ tổng nguồn vốn	%	68,5	65,33
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ tổng nguồn vốn	%	31,50	34,67
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,79	0,84
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,12	1,17
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản	%	2,12	8,65
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần	%	1,38	5,86
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ nguồn vốn chủ sở hữu	%	6,73	24,94

Để đạt được kết quả trên trong năm 2012, Ban lãnh đạo triển khai tổ chức tốt một số công việc chủ yếu, sau đây:

1. Ban điều hành đã tập trung chỉ đạo các nhiệm vụ trọng tâm và thực hiện báo cáo công tác hằng tuần qua email để theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ các phòng, ban, đơn vị trực thuộc triển khai tốt công việc. Hằng tháng, vào thứ bảy tuần thứ nhất và tuần thứ hai tổ chức họp thường kỳ của Ban nghiên cứu- phát triển và giao ban tháng để sơ kết đánh giá công việc. Chính vì vậy, việc triển khai công tác rất kịp thời, bám sát kế hoạch SX,KD đã đề ra.

2. Đối với hoạt động KD ở các Chi nhánh: Tổng công ty phối hợp với các Chi nhánh chỉ đạo cụ thể cho từng đơn vị, từng mặt hàng với giá cả linh hoạt tùy theo gói thầu có nhiều hay ít đối thủ tham gia, nên trong năm qua tỉ lệ thắng thầu cao.

3. Thành lập các Hội đồng ở các đơn vị SX để điều chỉnh định mức NL, định mức NC trực tiếp và điều chỉnh đơn giá giờ công rất công khai, minh bạch phù hợp với tình hình thực tế, kích thích tối đa được sự cống hiến của người lao động và cũng trong thời gian này đội ngũ QĐ, PQĐ, Tổ trưởng SX, Kỹ thuật cũng tính lương theo SP (trước đây hưởng lương gián tiếp theo doanh thu) nên năng suất lao động tăng và giá thành sản phẩm hạ. Đối với CBNV phòng KD thì xây dựng trả lương theo doanh thu có sự kiểm soát chặt chẽ của KTT, phòng KH, phòng TC-HC được kịp thời, phù hợp và sắp xếp phân bổ lại thị trường hợp lý cho từng người nên năng suất lao động cũng tăng lên đáng kể.

4. Sáp nhập phòng TT vào phòng KD với mục đích vừa làm công tác thị trường, vừa bán hàng để tiết kiệm chi phí và để có thời gian nhiều hơn nữa tập trung vào nhiệm vụ KD, TCT đã chuyển công tác dịch vụ hậu cần y tế, giao nhận, nghiệp vụ, thủ kho ở XN QN giao cho phòng KH theo dõi, quản lý nhằm thống nhất mô hình quản lý hiện nay của TCT được kiểm soát chặt chẽ hơn và chuyển nhiệm vụ mua hàng cho phòng XNK trực tiếp tổ chức thực hiện.

5. Đề chủ động nguồn hàng và lợi thế trong KD TTB y tế, TCT đã làm đại lý trực tiếp cho 2 hãng nước ngoài, như: Oricare (Mỹ); Mindray (T.Quốc) và đại lý một số hãng tại khu vực miền trung Tây nguyên, như: Nipon, Human, Philip, Pentax v.v...

6. Thường xuyên nghiên cứu tối ưu hóa các qui trình, cải tiến liên tục trong công tác tổ chức SX để đảm bảo chất lượng, nâng cao năng suất lao động và hạ giá thành SP.

7. Tìm mọi nguồn NL có chất lượng, giá thấp và ổn định để hạ giá thành SP

8. Thường xuyên nghiên cứu SX ra những SP mới để đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng và quan tâm đến công tác xuất khẩu sang thị trường Mỹ, Nhật Bản. Sắp xếp giảm bớt lao động gián tiếp và tăng cường lao động trực tiếp nhằm tăng năng suất lao động, hạ giá thành SP tại XN QN

9. Quan tâm đến công tác đào tạo để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và phát động phong trào sáng tạo, cải tiến CN-KT để áp dụng vào trong quá trình SX,KD.

10. Xây dựng các qui chế dân chủ cơ sở , với mục tiêu ổn định phát triển SX,KD và bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động. Thực hiện đúng và đầy đủ các qui định của Nhà nước về chế độ lương, thưởng, đề bạt , bổ nhiệm, miễn nhiệm CBNV, BHXH, chế độ nghỉ mát, lễ, tết, khám sức khỏe định kỳ cho CBNV.v.v...

III . PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2012:

Thực hiện theo Nghị quyết số: 390/DNM/ĐHĐCĐ-NQ ngày 03.05.2012 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2012 và Nghị quyết số: 135/NQ/HĐQT-DNM ngày 04.03.2013 của HĐQT - Tổng công ty, xin trình với ĐHĐCĐ về tình hình phân phối lợi nhuận năm 2012, như sau:

Chi trả cổ tức năm 2012 là 20%.

Trong đó:

- Đã chi trả cổ tức đợt 1 năm 2012 bằng tiền mặt: 10%/cổ phần
- Đã chi trả cổ tức đợt 2 năm 2012 bằng tiền mặt: 10%/cổ phần

Đơn vị tính : Đồng

Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2012	12.857.100.144	
<i>Lợi nhuận do CLTG đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán không được chia lợi nhuận và trả cổ tức theo Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012</i>	188.091.167	
Trong đó : Lợi nhuận được chia cổ tức và trích lập các quỹ :	12.669.008.977	
- Trích lợi nhuận chia cổ tức :	6.028.724.000	2.000đ/cp
Chi trả cổ tức bằng tiền mặt	6.028.724.000	
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	0	
Số tiền còn lại trích lập các quỹ như sau :	6.640.284.977	100%
- Quỹ dự phòng tài chính	664.028.498	10%
- Quỹ Ban điều hành công ty	996.042.746	15%
- Quỹ khen thưởng và phúc lợi	1.992.085.493	30%
- Quỹ phát triển sản xuất	2.988.128.239	45%

PHẦN II

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT-KINH DOANH NĂM 2013 VÀ CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

I. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SX,KD NĂM 2013

Năm 2013, dự báo kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, tiếp tục ảnh hưởng và tác động không nhỏ đến hoạt động SX, KD của doanh nghiệp. Vì vậy, Tổng công ty yêu cầu giám đốc các đơn vị trực thuộc và các phòng, ban chỉ đạo đơn vị mình ra sức nỗ lực, đoàn kết trên dưới một lòng phát huy những kết quả đã đạt được trong năm 2012 tạo đà phát triển cho năm 2013, nghiêm túc thực hiện triệt để các chủ trương của Tổng giám đốc ban hành, bám sát các kế hoạch chương trình đề ra để triển khai các hoạt động đáp ứng yêu cầu phát triển của TCT. Trên tinh thần đó, một lần nữa Tổng giám đốc kêu gọi sự đoàn kết, sự đồng thuận của CBNV để phấn đấu hoàn thành kế hoạch SX-KD năm 2013 do HĐQT-Danameco giao, cụ thể như sau:

Kế hoạch năm 2013:

Đơn vị tính : Đồng

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN 2012	KẾ HOẠCH 2013	KH2013/ TH2012
I	Doanh thu SX,KD	Đồng	219.576.239.055	252.000.000.000	15%
	<i>Trong đó :</i>				
	- Kinh doanh TTB, VTYT	Đồng	78.752.966.529	87.000.000.000	10%
	- Kinh doanh SP BBG	Đồng	134.310.504.393	148.000.000.000	10%
	- Dịch vụ	Đồng	6.677.124.111	17.000.000.000	55%
II	Giá vốn hàng bán ra	Đồng	148.222.184.165	175.000.000.000	18%
III	Lãi gộp từ SXKD	Đồng	71.354.054.890	77.000.000.000	8%
IV	Tổng chi phí hoạt động	Đồng	55.459.963.645	57.000.000.000	3%
1	Chi phí bán hàng	Đồng	15.963.129.080	18.000.000.000	12%
2	Chi phí quản lý	Đồng	28.853.336.436	28.000.000.000	-3%
3	Chi phí tài chính	đồng	10.643.498.129	11.000.000.000	3%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	Đồng	10.585.302.052	11.000.000.000	
V	DT hoạt động tài chính	Đồng	910.070.520		
VI	Lợi nhuận khác	Đồng	341.506.096		
VII	Tổng lợi nhuận trước thuế	Đồng	17.145.667.861	20.000.000.000	17%
VIII	Thuế TNDN	Đồng	4.288.567.717	5.000.000.000	
IX	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	12.857.100.144	15.000.000.000	17%

Một số giải pháp để thực hiện kế hoạch 2013: Để hoàn thành kế hoạch năm 2013 theo chủ trương của Hội đồng quản trị, Tổng công ty cần tổ chức thực hiện các vấn đề chủ yếu, sau đây:

1. Đối với lĩnh vực sản xuất, dịch vụ:

- Hai đơn vị: XN SX VTYT QN và XN SX BBG YT Hòa Cường, phải tập trung nghiên cứu tổ chức sản xuất hợp lý, đầu tư đổi mới công nghệ phù hợp để nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất lao động và giảm giá thành sản phẩm, từ đó mới có khả năng cạnh tranh với các công ty trong nước và hàng nhập khẩu. Nghiên cứu chuyển SX một số SP ở XN HC vào XN QN, nhằm giảm bớt áp lực cho XN HC, như: SX khẩu trang dây buộc; Cắt, dập phôi SX hàng SPA xuất khẩu sang Nhật, Mỹ.

- Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu thị hiếu của khách hàng và nghiên cứu sáng tạo, cải tiến CN-KT để áp dụng vào lĩnh vực SX dần thay thế lao động thủ công sang lao động cơ khí hóa, tự động hóa.

- GD XNQN trực tiếp chỉ đạo, tập trung mọi nguồn lực (có thể) và kiểm soát chặt chẽ quá trình SX bao bì carton, để lĩnh vực này có lãi trong năm 2013 khoảng từ 150 đến 200 triệu (Hai năm liền kề trước đây lỗ)

- Nghiên cứu tổ chức SX gắng tay cao su y tế đảm bảo chất lượng, giá thành hạ và tìm mọi cách đẩy mạnh việc tiêu thụ hàng tồn kho hiện nay

- TTDVTH: Quan tâm đến môi trường và củng cố ổn định khách hàng truyền thống và khai thác thêm một số khách hàng trên địa bàn để tăng thêm lợi nhuận

- Thường xuyên liên hệ với BYT, TCDS và các dự án y tế khác để thực hiện công tác dịch vụ hậu cần y tế

2. Đối với lĩnh vực kinh doanh.

- Xây dựng các chiến lược kinh doanh kịp thời, phù hợp trong từng điều kiện cụ thể, phải tạo nên dấu ấn, thương hiệu và hiệu quả.

- Tìm thêm một số hãng nước ngoài để làm đại lý phân phối độc quyền tại Việt Nam về trang thiết bị và vật tư y tế

- Tăng cường trực tiếp đến với khách hàng thường xuyên để nắm bắt các thông tin. Trên cơ sở đó phân tích, đánh giá nhằm đưa ra các quyết định KD kịp thời, hợp lý để phát triển SX, KD ổn định, bền vững và xử lý những tình huống để tránh những rủi ro, nếu có.

- Thường xuyên đào tạo để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn về TTB y tế và nghiệp vụ bán hàng, nhằm giúp cho CBNV KD nâng cao kỹ năng bán hàng và khả năng thuyết phục khách hàng được tốt hơn

3. Đối với lĩnh vực thị trường.

- Củng cố thị trường truyền thống, phát triển mở rộng các thị trường mới, thị trường ngách và thị trường xuất khẩu

- Phát triển đa dạng các kênh phân phối để tăng thị phần

4. Đối với một số lĩnh vực khác

- Tổ chức sắp xếp lại công tác tổ chức nhân sự để kiện toàn bộ máy lãnh đạo, quản lý chuyên nghiệp, khoa học.

- Xây dựng phương pháp trả lương cho CBNV gián tiếp khối SX hưởng theo SP và xây dựng phương pháp trả lương của khối Văn phòng theo năng suất lao động thực tế trên cơ sở kết quả của khối SX và khối KD

- Tiếp tục ban hành thêm một số qui định, qui chế phù hợp với qui định hiện hành của Nhà nước để làm cơ sở pháp lý nhằm quản lý, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động SX, KD.

- Tổ chức bộ máy kế toán hiệu quả và thực hiện đúng theo qui định hiện hành của Nhà nước; Tất cả nghiệp vụ kinh tế phát sinh phải phản ánh đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời nhằm giúp cho BLĐ đưa ra các quyết định phù hợp trong từng thời điểm. Quản lý chặt chẽ công nợ phải thu, phải trả, nợ tạm ứng và kiểm soát chặt chẽ chi phí đầu vào, đầu ra trong quá trình SX,KD nhằm đem lại hiệu quả cao nhất

- Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát công tác nghiệp vụ, công tác giao nhận, công tác kho hàng v.v... để chấn chỉnh những công việc chưa đúng qui định, chưa phù hợp

- Hoàn thành cấp chứng nhận kho GSP, triển khai xây dựng ISO 13485 đối với SX sản phẩm y tế.

- Xây dựng các phương án để thực hiện tốt về ATVSLĐ và PCCC, công tác thi đua khen thưởng v.v...

II. KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 2013:

Căn cứ vào kế hoạch SX-KD năm 2013 và tình hình thực tế qua các năm gần đây, xin trình với ĐHĐCĐ là giao cho HĐQT quyết định trong kỳ họp cuối năm 2013, về phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN.

Dự kiến như sau:

Chi trả cổ tức:

- Mức chi trả cổ tức 20-30%/ cổ phần
- Hình thức chi trả bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu

Số tiền còn lại phân phối:

- Trích lập quỹ phát triển SX: 45%
- Trích lập quỹ dự phòng tài chính: 10%
- Trích lập quỹ khen thưởng - phúc lợi: 30%
- Trích lập quỹ Ban điều hành công ty: 15%

III. TÌNH HÌNH HUY ĐỘNG VỐN VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2013:

1. Về huy động vốn:

Theo Nghị quyết số: 135/NQ/HĐQT-DNM ngày 04.3.2013 của HĐQT-Danameco: Để có nguồn vốn đầu tư và bổ sung vào nguồn vốn kinh doanh, thống nhất trình ĐHĐCĐ năm 2013 phương án phát hành cổ phiếu, tăng vốn điều lệ từ 30.143.620.000 đ lên hơn 40.000.000.000đ cho cổ đông hiện hữu theo mệnh giá và giành thêm 150.000 cổ phần ưu đãi theo mệnh giá cho CBNV có thành tích và những người có công đóng góp, phát triển Tổng công ty Danameco (tương đương 5% cổ phiếu đang lưu hành)

2. Về tình hình đầu tư năm 2013:

Để quá trình SX,KD năm 2013 được thực hiện tốt, Tổng công ty cần đầu tư một số hạng mục, sau đây:

- Trang bị ô tô con Fortune: (bao gồm các loại thuế và phí): 1.000.000.000 đ
(Thanh lý xe Jolie 235 triệu, đã sử dụng 9 năm)
- Máy gấp gạc PTOB : 500.000.000 đ
- Máy may Kansai WX 8803DCF: 38.000.000 đ
- Máy may công nghiệp điện tử hiệu Juki 20 cái: 320.000.000 đ

- Máy dệt thun vòng (đã qua sử dụng) 2 cái:	30.000.000 đ
- Lợp lại mái tôn nhà xưởng để chống dột:	55.000.000 đ
- Máy cắt bông 2 cái:	50.000.000 đ
- Bảng tải ngang máy chải:	6.000.000 đ
- Mua 3 bộ kim máy chải bông:	60.000.000 đ
- Hệ thống hút bụi máy chải bông 2 cái:	12.000.000 đ
- Máy vê bông(làm mới 1 máy và cải tiến 1 máy):	30.000.000 đ
- Trục 3 bánh máy đầu cân 2 máy:	18.000.000 đ
- Máy hút bụi bông màng 2 cái:	24.000.000 đ
- Máy ép hơi 2 cái:	8.000.000 đ
- Máy bơm nước nóng cho lò hơi 2 cái:	14.000.000 đ
- Cải tạo HT điện chiếu sáng và mỗi xưởng 1 đồng hồ c/suất:	34.000.000 đ
- Máy đầu cân bông vàng:	50.000.000 đ
- Máy in phun 1cái:	160.000.000 đ
- Nâng cấp nhà chải bông vàng:	120.000.000 đ
- Xây dựng nhà để củi:	25.000.000 đ
- Nâng cấp nền nhà tẩy:	15.000.000 đ
- Nâng cấp dây chuyền bao bì:	20.000.000 đ
- Máy tiết trùng 1 cái:	150.000.000 đ
- Xây dựng ISO 13485:	150.000.000 đ
- Đầu tư xe nâng tay 3 cái:	20.000.000 đ
Tổng cộng:	2.909.000.000 đ

(Hai tỉ, chín trăm lẻ chín triệu đồng)

Đặc biệt, trong đại hội này cũng xin trình ĐHĐCĐ về việc đầu tư xây dựng trụ sở tại XN VTYT Hòa Cường (gồm nhà làm việc, nhà xưởng, nhà kho với diện tích mặt bằng sử dụng khoảng 2.000 m², kinh phí dự toán khoảng từ 10- 15 tỉ đồng và trụ sở văn phòng làm việc tại 105 Hùng Vương- ĐN, Kho Điện Thắng- QN sẽ cho thuê hoặc kinh doanh dịch vụ để tăng thêm lợi nhuận.

IV. MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHÁC

1. Thù lao HĐQT, BKS:

Xin trình ĐHĐCĐ năm 2013, tiền thù lao HĐQT và BKS vẫn giữ mức cũ như năm 2012, cụ thể:

- CT HĐQT chuyên trách:	Tương đương lương TGD điều hành
- PCT HĐQT:	3.500.000 đ/tháng
- Ủy viên HĐQT:	3.000.000 đ/tháng
- Trưởng BKS:	3.000.000 đ/tháng
- Thành viên BKS:	2.000.000 đ/tháng

2. Chương trình BFO:

Tổng công ty ký hợp đồng với Công ty Bình Minh mua bản quyền chương trình ERP, với số tiền: 194.610.168 đ và Công ty Softech ĐN triển khai thực hiện, với số tiền: 119.704.570 đ. Nhưng công việc triển khai trên 3 năm vẫn không đem lại kết quả, năm 2013 Tổng công ty quyết định hủy thực hiện chương trình này và

xin ĐHCĐ cho lấy quỹ dự phòng tài chính để bù đắp chi phí này, với tổng số tiền:
314.314.738 đ

(Ba trăm mười bốn triệu, ba trăm mười bốn nghìn, tám trăm ba bảy đồng)

Trên đây là toàn văn báo cáo, kính trình Đại hội!

Xin trân trọng cảm ơn.

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Đã ký)

NGUYỄN TẤN TIÊN